

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/10/2023 của Công ty T3 (Việt Nam) và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, có bà Lâm Thị Thùy D là người đại diện theo ủy quyền trình bày: Ngày 17/3/2022, ông Trần Anh T (viết tắt ông T) có đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 2979687 với Công ty T3 (Việt Nam) (viết tắt Công ty), theo đó Công ty cho ông T vay số tiền 31.980.000 đồng theo lãi suất 3,75%/tháng để trả tiền hàng có thời hạn 24 tháng, kể từ ngày 15/4/2022 đến ngày 15/3/2024 theo hình thức trả góp và mỗi tháng ông T trả cho Công ty tiền nợ vốn + tiền lãi là 2.046.607 đồng, Công ty đã giải ngân cho ông T số tiền trên vào ngày 22/3/2022. Thực hiện hợp đồng, ông T đã trả tiền nợ vốn + tiền lãi được 9 tháng tương ứng 18.520.000 đồng rồi ngưng, Công ty đã đôn đốc, nhắc nhở nhưng ông T vẫn không có thiện chí trả nợ. Do ông T vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Công ty khởi kiện yêu cầu ông T trả số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 24/7/2024 là 44.776.364 đồng, bao gồm: tiền nợ vốn 22.827.016 đồng, tiền lãi trong hạn 7.304.356 đồng, tiền lãi quá hạn 13.824.192 đồng, tiền lãi chậm trả 820.800 đồng và nợ lãi phát sinh kể từ ngày 25/7/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng do hai bên ký kết.

* Bị đơn ông Trần Anh T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và cũng không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử là thực hiện đúng nội dung quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 17/3/2022 thì ông T được Công ty cho vay số tiền 31.980.000 đồng và đã được Công ty giải ngân số tiền trên vào ngày 22/3/2022. Công ty yêu cầu ông T trả số tiền còn nợ tính đến ngày 24/7/2024 là 44.776.364 đồng, bao gồm: tiền nợ vốn 22.827.016 đồng, tiền lãi trong hạn 7.304.356 đồng, tiền lãi quá hạn 13.824.192 đồng, tiền lãi chậm trả 820.800 đồng và tiếp tục trả lãi phát sinh từ ngày 25/7/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại giấy đề nghị cấp tín dụng kiêm hợp đồng do hai bên ký kết là có căn cứ.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Công ty yêu cầu ông T trả số tiền đã vay nên quan hệ tranh chấp trong vụ án được xác định là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét ông T hiện cư trú tại quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì Công ty khởi kiện ông T tại Tòa án nhân dân quận Tân Bình là đúng quy định của pháp luật.

[1.2] Xét ông T đã được Tòa án niêm yết các văn bản tố tụng nhưng ông T vẫn vắng mặt không có lý do và không có ý kiến phản hồi. Theo khoản 4 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: “Đương sự có nghĩa vụ đưa ra chứng cứ để chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc”. Như vậy, ông T đã tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình qua việc không đến Tòa án tham gia tố tụng nên ông T phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 của Bộ luật này. Vì vậy, Tòa án căn cứ vào yêu cầu khởi kiện và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án để xét xử vắng mặt ông T là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Xét đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 2979687 ngày 17/3/2022 giữa Công ty và ông T. Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng mà các bên giao kết với nhau là đúng quy định của pháp luật về trình tự, cơ chế tín dụng hiện hành, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên theo quy định tại các Điều 6, Điều 8, Điều 90, Điều 91, Điều 95, điểm a khoản 3 Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 và Điều 117, Điều 386 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.2] Xét Công ty yêu cầu ông T trả tiền nợ vốn còn thiếu: Hội đồng xét xử căn cứ đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 2979687 ngày 17/3/2022, theo đó ông T được Công ty phê duyệt cho vay 31.980.000 đồng và ông T có trách nhiệm trả nợ theo hình thức trả góp trong thời hạn 24 tháng. Thực hiện hợp đồng ông T đã trả được 9 tháng tương ứng số tiền 9.152.984 đồng, số tiền nợ vốn còn lại chưa trả là 22.827.016 đồng. Do đó, Công ty yêu cầu ông T trả số tiền nợ vốn 22.827.016 đồng là có căn cứ.

[2.3] Xét Công ty yêu cầu ông T trả tiền lãi: Hội đồng xét xử căn cứ vào đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 2979687 ngày 17/3/2022 thì tiền lãi ông T phải trả trên tổng số tiền chưa trả mỗi tháng và tiền lãi quá hạn từng tháng $= 150\% \times 45\% / \text{năm} \times 22.827.016 \text{ đồng} \times \text{số ngày quá hạn}$ 365 ngày. Thực hiện hợp đồng ông T đã trả được 9 tháng tương ứng số tiền 9.282.265 đồng, tính đến ngày 24/7/2024 số nợ lãi mà ông T phải trả là 21.949.348 đồng, bao gồm: tiền lãi trong hạn 7.304.356 đồng, tiền lãi quá hạn 13.824.192 đồng và tiền lãi chậm

trả 820.800 đồng. Do đó, Công ty yêu cầu ông T trả tiền lãi 21.949.348 đồng là có căn cứ.

[2.4] Về thời hạn trả nợ: Ông T vay tiền của Công ty nhưng vi phạm nghĩa vụ trả nợ, điều này làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty, thời gian vay đã lâu nên Công ty yêu cầu ông T trả tiền nợ vốn và tiền nợ lãi một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là phù hợp nên được chấp nhận.

[2.5] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình về việc giải quyết vụ án là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[2.6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Như đã nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty, buộc ông T trả 44.776.364 đồng nên ông T phải chịu án phí là 2.238.818 đồng theo khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Công ty được hoàn lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 68, khoản 4 Điều 91, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, khoản 1 Điều 273 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 117, Điều 386, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 6, Điều 8, Điều 91, Điều 95 và điểm a khoản 3 Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

Áp dụng Luật phí và Lệ phí;

Áp dụng Luật Thi hành án dân sự;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty T3 (Việt Nam).

Buộc ông Nguyễn Anh T1 trả cho Công ty T3 (Việt Nam) số tiền 44.776.364 (Bốn mươi bốn triệu bảy trăm bảy mươi sáu nghìn ba trăm sáu mươi bốn) đồng, bao gồm: tiền nợ vốn 22.827.016 (Hai mươi hai triệu tám trăm hai mươi bảy nghìn không trăm mười sáu) đồng, tiền lãi trong hạn 7.304.356 (Bảy triệu ba trăm lẻ bốn nghìn ba trăm năm mươi sáu) đồng, tiền lãi quá hạn 13.824.192 (Mười ba triệu tám trăm hai mươi bốn nghìn một trăm chín mươi hai) đồng và tiền lãi chậm trả 820.800 (Tám trăm hai mươi nghìn) đồng. Trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông Nguyễn Anh T1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn trên số tiền nợ gốc chưa trả, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi trả xong khoản nợ gốc này.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Anh T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 2.238.818 (Hai triệu hai trăm ba mươi tám nghìn tám trăm mười tám) đồng.

- Công ty T3 (Việt Nam) được hoàn lại số tiền 767.789 (Bảy trăm sáu mươi bảy nghìn bảy trăm tám mươi chín) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0024130 ngày 22 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị:

- Công ty T3 (Việt Nam) được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Anh T1 được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết hợp lệ bản án.

- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình;
- Chi cục THA dân sự quận Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Võ Tuấn N